

PHỤ LỤC CHI TIẾT

Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (cụm công nghiệp Trần Cao- Quang Hưng) đến ĐH.85 huyện Phù Cù

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 16/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng)

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ thường trú (thôn)	Số khẩu dự chia theo NQ 03 (khẩu)	Tổng diện tích đất hộ gia đình, cá nhân hiện trạng đang sử dụng theo quy định (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (tháng)	Số khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (khẩu)	Các khoản bồi thường, hỗ trợ (đồng)			Thành tiền (đồng)	Ghi chú
										Bồi thường đất nông nghiệp (LUC: 80.000đ/m ²)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (80.000đ/m ² x 3 = 240.000đ/m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (17.000đ/1kg gạo)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(6)x80.000đ	(12)=(6)x240.000đ	(13)=(9)x(10)x30x17.000đ/kg	(16)=(11)+...+(15)	
1	Ông Lưu Quang Lê đại diện đứng tên theo Văn bản cam kết ngày 06/7/2026	Thôn Quang Xá	4	1,152.0	15.6	LUC	1.35	2	4	1,248,000	3,744,000	4,080,000	9,072,000	
2	Ông Vũ Công Kén đại diện đứng tên theo Văn bản cam kết ngày 06/7/2026	Thôn Quang Xá	5	3,233.0	5.9	LUC	0.18	2	4	472,000	1,416,000	4,080,000	5,968,000	
3	Ông Lưu Văn Luật đại diện đứng tên theo Văn bản cam kết ngày 06/7/2026	Thôn Quang Xá	4	2,489.0	11.5	LUC	0.46	2	4	920,000	2,760,000	4,080,000	7,760,000	
4	Bà Vũ Thị Loan đại diện đứng tên theo Văn bản cam kết ngày 06/7/2026	Thôn Quang Xá	2	1,296.0	4.4	LUC	0.34	2	2	352,000	1,056,000	2,040,000	3,448,000	
5	Ông Nguyễn Văn Hà đại diện đứng tên theo Văn bản cam kết ngày 06/7/2026	Thôn Quang Xá	1	648.0	6.4	LUC	0.99			512,000	1,536,000	0	2,048,000	
6	Ông Lưu Quang Lê đại diện đứng tên theo Văn bản cam kết ngày 06/7/2026	Thôn Quang Xá	3	1,944.0	0.2	LUC	0.01	2	3	16,000	48,000	3,060,000	3,124,000	
7	Ông Nguyễn Văn Quang đại diện đứng tên theo Văn bản cam kết ngày 06/7/2026	Thôn Quang Xá	5	2,266.1	22.5	LUC	0.99	2	5	1,800,000	5,400,000	5,100,000	12,300,000	
Tổng Cộng					66.5				22	5,320,000	15,960,000	22,440,000	43,720,000	